

TRƯỜNG NGHĨA HÀNH ĐỘNG, CẢM GIÁC CỦA CON NGƯỜI ĐỐI VỚI “COM” TRONG TIẾNG VIỆT VÀ TIẾNG LÀO

QUẢNG THỊ THU HÀ*

Tóm tắt: “Com” có vai trò quan trọng trong cuộc sống của người Việt Nam. “Com” không chỉ là tên gọi của món chính trong bữa ăn của người Việt mà còn gọi tên một số đặc điểm thân phận, cuộc sống và con người Việt Nam. Trên cơ sở xác lập hệ thống các từ ngữ của trường nghĩa hành động, cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Việt, bài viết tiến hành so sánh với tiếng Lào nhằm tìm ra điểm tương đồng và khác biệt giữa hai ngôn ngữ.

Từ khóa: Trường nghĩa, com, com Việt, com Lào.

Abstract: It can be said that “rice” plays an important role in the life of Vietnamese people. “Rice” is not only the name of the main dish in Vietnamese’s meals, but also nominates some characteristics of Vietnamese status, life and people. On the basis of establishing a system of words belonging to the semantic field of human actions and feelings for “rice” in Vietnamese, the article compares that with Lao to find out the similarities and differences between the two languages.

Keywords: Semantic field, rice, Vietnamese rice, Lao rice.

1. Đặt vấn đề

Trong tâm thức của người Đông Nam Á nói chung, người Việt Nam và Lào nói riêng, “com” có một vị trí đặc biệt quan trọng. “Com” không chỉ là món chính của bữa ăn hàng ngày mà còn hàm chứa những

đặc trưng tư duy, văn hóa của cả một cộng đồng. Trong ngôn ngữ khu vực này, trường nghĩa “com” có số lượng từ ngữ phong phú và ngày càng mở rộng với nhiều tiểu trường. Bên cạnh tiểu trường tên gọi của “com”, tiểu trường cảm giác, hành động của con người đối với “com” cũng có những đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa khá thú vị. Do đó, nghiên cứu tiểu trường này trong tiếng Việt và tiếng Lào sẽ tái hiện một phần bức tranh ngôn ngữ dân tộc Việt và dân tộc Lào.

2. Khái quát về trường nghĩa

2.1. Khái niệm

Trường nghĩa còn được gọi là trường từ vựng hay trường từ vựng ngữ nghĩa. Trên thế giới, hai nhà khoa học người Đức Trier và Weisgerber là những người đã có những nghiên cứu đáng kể về trường nghĩa. Trier quan niệm: “Trường là những thực từ ngôn ngữ tồn tại ở giữa các từ riêng biệt và toàn bộ từ vựng; nó là bộ phận của một toàn thể và làm ta nhớ đến những từ riêng biệt ở chỗ nó kết hợp thành một đơn vị cao cấp và nó còn làm ta nhớ đến từ vựng ở chỗ nó chia ra làm những đơn vị nhỏ hơn”. [2, tr. 201]

Các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học của

* ThS - Trường Cao đẳng Sơn La; Email: quangthuha.cds@gmail.com

Việt Nam cũng nghiên cứu tương đối nhiều về trường nghĩa. Tác giả Đỗ Việt Hùng cho rằng: “Các đơn vị từ vựng đồng nhất với nhau về nghĩa tập hợp thành trường nghĩa” [4, tr.227]. Nhà ngôn ngữ học Đỗ Hữu Châu đã tiếp thu lý thuyết về trường của các nhà ngôn ngữ học trên thế giới và đưa ra quan niệm riêng của mình. Ông quan niệm: trường nghĩa là một “tiểu hệ thống ngữ nghĩa”, “là những tập hợp đồng nhất với nhau về ngữ nghĩa” [1, tr.35].

Dựa trên quan niệm của tác giả Đỗ Hữu Châu, bài viết đi vào khảo sát trường nghĩa cảm giác, hành động của con người đối với “com”. Chúng tôi coi trường nghĩa là một nhóm, một tập hợp các từ có mối quan hệ với nhau về ngữ nghĩa, làm thành một tiểu hệ thống trong hệ thống từ vựng của một ngôn ngữ.

2.2. Các loại trường nghĩa

2.2.1. Trường nghĩa biểu vật

Đỗ Hữu Châu cho rằng: “một trường biểu vật là một tập hợp những từ đồng nhất với nhau về ý nghĩa biểu vật” [1, tr.172]. Xác lập trường nghĩa biểu vật bằng cách chọn một danh từ biểu thị sự vật làm gốc, rồi trên cơ sở đó thu thập các từ ngữ có cùng phạm vi biểu vật với danh từ được chọn làm gốc.

Ví dụ: từ “*tay*” thường có các tiểu trường sau:

- Bộ phận của tay: *Bàn tay, ngón tay, móng tay, cùi tay, đốt ngón tay, lòng bàn tay,...*

- Đặc điểm của tay:

+ Đặc điểm về ngoại hình: *dài, ngắn, to, nhỏ, trắng, đen, búp măng, dài đực, thô, cứng, mềm mại,...*

+ Hoạt động của tay: *cầm, nắm, thái, buông, cấu, ấn, bắm, cào, cấu,...*

2.2.2. Trường nghĩa biểu niệm

Cấu trúc biểu niệm không chỉ riêng cho từng từ mà chung cho nhiều từ. Đỗ Hữu Châu cho rằng: “một trường biểu niệm là một tập hợp các từ có chung một cấu trúc biểu niệm” [1, tr.178].

Ví dụ: trường hoạt động của chủ thể A... (tự làm cho mình có tình trạng Y)...:

- A động tại chỗ một cách cơ giới: *đảo, đảo đảo, cọ quây, động dậy, rung rinh,...*

- A dời chỗ hoặc dừng lại một cách cơ giới: *đi, chạy, ra, vào, lên, bơi, lội, dừng, ngừng,...*

Do có nhiều nghĩa biểu niệm nên một từ có thể đi vào những trường biểu niệm (hay đi vào những trường nhỏ) khác nhau. Vì vậy, cũng giống như các trường biểu vật, các trường biểu niệm có thể giao thoa với nhau, thâm thấu vào nhau.

2.2.3. Trường nghĩa tuyến tính

Trường nghĩa tuyến tính còn gọi là trường nghĩa ngang. Đây là trường xuất phát từ khả năng của tín hiệu ngôn ngữ kết hợp với các tín hiệu ngôn ngữ khác lập thành một chuỗi nối tiếp nhau. Để lập nên trường nghĩa tuyến tính, chúng tôi chọn một từ làm gốc rồi tìm tất cả những từ có thể kết hợp với nó thành những chuỗi tuyến tính (cụm từ, câu) chấp nhận được trong ngôn ngữ.

Ví dụ: Trường nghĩa tuyến tính của từ “*đầu*” là *tròn, méo, dẹt, to, nhỏ, dài, ngắn, ...* hay *quay, lúc lắc, nghiêng, ...* Trường nghĩa tuyến tính của từ “*tay*” là *búp măng, mềm, ấm, lạnh... hay nắm, cầm, khoác,...*

Cùng với trường nghĩa biểu vật và trường nghĩa biểu niệm, các trường nghĩa tuyến tính góp phần làm sáng tỏ những quan hệ và cấu trúc ngữ nghĩa của từ vựng, phát hiện những đặc điểm nội tại và những đặc điểm hoạt động của từ.

2.2.4. Trường nghĩa liên tưởng

Các từ trong một trường liên tưởng là sự hiện thực hóa, sự cố định bằng các ý nghĩa liên hội có thể có của từ trung tâm. Các từ trong một trường liên tưởng trước hết là những từ cùng nằm trong một trường biểu vật, trường biểu niệm và trường tuyến tính, tức là những từ có quan hệ cấu trúc đồng nhất và đối lập về ngữ nghĩa với từ trung tâm. Trong trường liên tưởng còn có nhiều từ khác được liên tưởng tới do xuất hiện đồng thời với từ trung tâm trong những ngữ cảnh có chủ đề tương đối đồng nhất, lặp đi lặp lại. Điều này khiến cho trường liên tưởng có tính dân tộc, tính thời đại và cá nhân. Do những tính chất trên, các trường liên tưởng thường không ổn định, nên ít có tác dụng phát hiện những quan hệ cấu trúc về ngữ nghĩa của các từ và từ vựng. Nhưng trường liên tưởng lại có tác dụng lớn giải thích sự dùng từ, nhất là dùng từ trong các tác phẩm văn học.

2.3. Tiêu chí xác lập trường nghĩa

Trong ngôn ngữ, từ và ý nghĩa của từ không thể tồn tại tách rời nhau mà liên kết với nhau trong tư tưởng và độc lập với ý thức của chúng ta thành những nhóm nhất định. Việc phân lập từ vựng của một ngôn ngữ thành các trường từ vựng - ngữ nghĩa, theo Đỗ Hữu Châu [1] là để phát hiện ra tính hệ thống và cấu trúc của hệ thống từ vựng về mặt ngữ nghĩa. Từ đó, có thể giải thích các cơ chế đồng loạt chi phối sự sáng tạo nên đơn vị và hoạt động của chúng trong quá trình sử dụng ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp.

Sự phân lập các trường không thể bắt đầu bằng các phạm vi sự vật, hiện tượng mà con người có thể biết từ ngoài ngôn ngữ, cũng không thể bắt đầu từ sự phân lập các vùng khái niệm đã có sẵn trong tư duy. Đỗ

Hữu Châu cho rằng: “Các trường từ vựng ngữ nghĩa là những sự kiện ngôn ngữ cho nên tiêu chí để phân lập chúng phải là tiêu chí ngôn ngữ,... Cơ sở để phân lập trường là ý nghĩa của từ, tức là những ý nghĩa ngôn ngữ. Có thể có những sự kiện, sự vật, những khái niệm lĩnh hội được nhưng nếu không được biểu thị bằng từ thì chúng vẫn không phải là yếu tố của một trường trong một ngôn ngữ nào đấy” [2, tr.252].

Tiêu chí để xác lập trường biểu vật không phải là nhận thức về các phạm vi sự vật trong thực tế mà là ý nghĩa biểu vật của từ. Tất cả các ý nghĩa biểu vật nào đó chung một nét nghĩa biểu vật (nét nghĩa hạn chế biểu vật). Ví dụ: *con người, động vật, sự vật nhân tạo*,... Tiêu chí xác lập trường biểu niệm là sự đồng nhất về cấu trúc biểu niệm, trong đó có nét nghĩa phạm trù trong cấu trúc biểu niệm. Ví dụ: dựa vào nét phạm trù (hoạt động của A tác động vào B, B rời chỗ) có thể tập hợp các từ: *quăng, phóng, ném, đẩy, lôi*,...

Để phân lập trường tuyến tính thì cần chọn một từ làm gốc, rồi tìm tất cả những từ có thể kết hợp với nó thành những chuỗi tuyến tính như cụm từ, câu. Ví dụ: các từ nằm trong trường tuyến tính của từ “*làm*” là *chăm, lười, nhanh, chậm, mệt, buồn*,... Đối với trường liên tưởng, để xác lập trường cần căn cứ vào nghĩa ngữ dụng của từ trung tâm. Đó là những nghĩa mới được tạo ra khi nó chưa đi vào hệ thống. Từ trung tâm khi cùng xuất hiện với loạt từ nào đấy trong nhiều ngữ cảnh trùng lặp sẽ có hiện tượng đẳng cấu ngữ nghĩa. Lúc đó, sẽ tạo thành một trường nghĩa liên tưởng mà các từ có quan hệ với nhau nhờ những mối liên tưởng ngữ nghĩa nào đó. Dẫu vậy, việc phân chia trường nghĩa mang tính chủ quan và khó thực hiện một cách triệt để bởi hiện thực thế giới khách quan là một chuỗi liên tục. Mặt

khác, một từ có thể có nhiều nghĩa, có thể tham gia vào nhiều trường nghĩa khác nhau.

2.4. Hiện tượng chuyển trường

Sự chuyển biến ý nghĩa của từ là cơ sở của hiện tượng chuyển trường. Khi chuyển nghĩa, một từ sẽ có thêm ý nghĩa mới. Căn cứ vào quá trình chuyển nghĩa, có thể chia thành nghĩa gốc và nghĩa chuyển (còn gọi là nghĩa chính - nghĩa phụ; hay nghĩa đen - nghĩa bóng). Ví dụ: từ “*chín*” có nghĩa gốc là cây, quả đã đến thời kỳ phát triển cao nhất (*quả chín, lúa chín*). Ngoài ra, còn có các ý nghĩa khác như: nấu thức ăn đến lúc ăn được (*com chín, thịt chín*); có dùng lửa (*vá chín*); suy nghĩ kỹ, đầy đủ (*nghĩ đã chín mới nói*); thành thục (*tài năng đã chín*); phát triển đến cao độ cần giải quyết (*tình hình xung đột đã chín lăm rồi*); trạng thái hồ thẹn cao độ, làm da mặt đỏ rực (*ngượng chín cả người*).

3. Phương pháp thu thập ngữ liệu

Trường nghĩa hành động, cảm giác của con người đối với “com” thực chất là một tiểu trường của trường nghĩa “com”. Xác lập trường nghĩa “com” trong tiếng Việt và tiếng Lào, chúng tôi sử dụng ý nghĩa biểu vật và biểu niệm của “com” là hạt nhân ngữ nghĩa của trường. “Com” được hiểu là “gạo nấu chín, ráo nước, dùng làm món chính trong bữa ăn hàng ngày” [5; tr.226].

Tiến hành khảo sát tiếng Việt và tiếng Lào ở trạng thái động (giao tiếp đời thường, các văn bản nhật dụng), chúng tôi tập hợp những từ ngữ có cùng nét nghĩa biểu vật, biểu niệm hoặc có khả năng kết hợp với “com”, ghi chép và lập danh sách đưa vào trường nghĩa. Đó là các từ gọi tên các loại “com” (com tẻ, com nếp, com tấm,...), các từ chỉ đặc điểm của “com” (dẻo, khô, cháy, nhão, nát,...), các từ chỉ cách thức tạo ra “com” (nấu, thổi, rang,...), các từ chỉ cảm giác của con người đối với “com” (thèm, chán, đói,...). Dựa trên sự đồng nhất của các yếu tố ngữ nghĩa, trường nghĩa “com” trong tiếng Việt và tiếng Lào được chúng tôi xác lập gồm hai tiểu trường lớn và các tiểu trường nhỏ như sau:

TT	Các tiêu trường lớn	Các tiêu trường nhỏ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Tên gọi của “com”	Tên gọi dựa vào hình dáng	4	2,8
		Tên gọi dựa vào tính chất	18	12,6
		Tên gọi dựa vào món ăn kèm theo	14	9,8
		Tên gọi dựa vào địa điểm ăn	6	4,2
		Tên gọi dựa vào màu sắc	2	1,4
		Tên gọi dựa vào thời gian	11	7,7
		Tên gọi dựa vào đối tượng thưởng thức	6	4,2
		Tên gọi dựa vào vật chứa	4	2,8
		Một số trường hợp khác	10	7,0
2	Hành động, cảm giác của con người với “com”	Hành động của con người với com	53	37
		Cảm giác của con người với com	17	10,5
Tổng			145	100

Bảng 1. Trường nghĩa “com” trong tiếng Việt

Như vậy, trường nghĩa hành động, cảm giác của con người đối với “com” là một tiểu trường lớn thuộc trường nghĩa “com” trong tiếng Việt và tiếng Lào.

TT	Các tiểu trường lớn	Các tiểu trường nhỏ	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Tên gọi của “com”	Tên gọi dựa vào hình dáng	3	3,7
		Tên gọi dựa vào tính chất	17	21,0
		Tên gọi dựa vào món ăn kèm theo	2	2,5
		Tên gọi dựa vào địa điểm ăn	2	2,5
		Tên gọi dựa vào màu sắc	3	3,7
		Tên gọi dựa vào thời gian	3	3,7
		Tên gọi dựa vào đối tượng thưởng thức	1	1,2
		Tên gọi dựa vào vật chứa	2	2,5
		Một số trường hợp khác	3	3,7
2	Hành động, cảm giác của con người với “com”	Hành động của con người với com	35	43,2
		Cảm giác của con người với com	10	12,3
Tổng			81	100

Bảng 2. Trường nghĩa “com” trong tiếng Lào

4. Đặc điểm của trường nghĩa hành động, cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Việt và tiếng Lào

4.1. Tiểu trường hành động của con người đối với “com” trong tiếng Việt và tiếng Lào

Tiểu trường này trong tiếng Việt có thể chia thành ba nhóm: các hành động tạo ra “com”, các hành động tiếp nhận “com” vào dạ dày của khoang miệng và các hành động khác đối với “com”.

TT	Tiểu trường	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Hành động tạo ra “com”	7	13,2
2	Hành động tiếp nhận “com” vào dạ dày của khoang miệng	32	60,4
3	Các hành động khác	14	26,4
Tổng		53	100

Bảng 3. Tiểu trường hành động của con người đối với “com” trong tiếng Việt

Như vậy, nhóm từ ngữ mô tả hoạt động tiếp nhận “com” của khoang miệng chiếm trọng số lớn nhất trong bức tranh ngôn ngữ mô tả hành động của con người đối với “com” trong tiếng Việt. Ở nhóm thứ nhất, trong tiếng Việt tồn tại các từ ngữ sau: *nấu*,

cuộn, chiên, rang, thổi, hấp, cầm. Nhóm thứ hai gồm các từ ngữ: *ăn, xoi, thưởng thức, chén, đánh chén, ngón, tọng, hóc, nhồi, nhét, lót dạ, móm, bón, dứt, cắn, gặm, nhá, nhai, ngậm, mút, liếm, nuốt, lót dạ, nhâm nhi, nhấm nháp, chén, đớp, măm, móm, nốc, nếm, nhấm*. Nhóm thứ ba gồm các từ ngữ: *bóc, vò, xới, đơm, xúc, gắp, bóc, nhón, chạm, hít, hít hà, ngửi, bưng, nắm*.

Trong tiếng Lào hành động của con người với “com” cũng được chia thành ba nhóm tương tự. Thứ nhất là các hành động tạo ra “com”, thứ hai là các hành động tiếp nhận “com” vào dạ dày của khoang miệng, thứ ba là các hành động khác đối với “com” (Xem Bảng 4).

Nhóm thứ nhất trong tiếng Lào có những từ ngữ sau: *nấu, hấp* - ຕົ້ມ, ທຸງ; *hấp, đồ* - ຫຸ້ງ; *cuộn* - ຫຸ້ນ; *chiên, rang* - ຂົ້ວ. Nhóm thứ hai gồm có các từ ngữ sau: *ăn* - ກິນ; *thưởng thức* - ຮັບປະທານ; *nếm* - ຊີມ; *nhâm nhi* - ກິນແກ້ມ; *hóc/tọng* - ກິນສວບ/ສວາບ; *xoi tái* - ກິນດີບ; *liếm* - ເລຍ/ເລັມ; *ngậm* - ອົມ; *mút* - ດູດ;

TT	Tiểu trường	Số lượng	Tỉ lệ(%)
1	Hành động tạo ra “com”	5	14,3
2	Hành động tiếp nhận “com” vào dạ dày của khoang miệng	20	57,1
3	Các hành động khác	10	28,6
Tổng		35	100

Bảng 4. Tiểu trường hành động của con người đối với “com” trong tiếng Lào

cắn ăn - ກັດກິນ; gặm - ແກ້ມ; ăn lót dạ - ກິນຮອງທ້ອງ; đớp - ແດກ; tọng - ສະແຕກ; nuốt - ກິນ; nhai, nhá - ຫຍ້າ; bón - ປ້ອນ; mớm - ມ່າມ; nhấm nháp - ກິນເທື່ອລະເລັກເທື່ອລະນ້ອຍ; (ăn đồ) tráng miệng - (ກິນຂອງ)ລ້າງຄາວ. Nhóm thứ ba gồm các từ ngữ như sau: bóc, vóc - ຈົກ, ກຳ; vóc - ກອບ; gắp - ຄົບ; xúc ăn - ບ່ວງກິນ; nhón - ຢູບ; nắm com, vắt xôi - ປຸ້ນ(ຂີ້); ăn ngủi (ý nói người ăn ít) - (ກິນ)ດົມ; ăn hít (ý nói người ăn ít) - (ກິນ)ສິບ.

Như vậy, số từ ngữ chỉ hành động của con người với “com” trong tiếng Việt là 53 từ, trong tiếng Lào là 35 từ. Sự chênh lệch về số lượng từ ngữ cho thấy xu hướng chi tiết hóa trong cách định danh các hành động của con người đối với “com” trong tiếng Việt cao hơn tiếng Lào.

4.2. Tiểu trường cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Việt và tiếng Lào

Trong tiếng Việt, cảm giác của con người trước “com” là cảm giác sinh lý và tâm lý của cơ thể xuất hiện do sự tác động của “com”. Có hai hướng chính của cảm giác này, bao gồm cảm giác muốn tiếp nhận “com” và cảm giác không muốn tiếp nhận “com”. Dựa trên hiệu quả tương tác giữa “com” với cảm giác của con người, tiểu trường này được chia thành hai tiểu trường nhỏ hơn như sau.

TT	Tiểu trường	Số lượng	Tỉ lệ(%)
1	Cảm giác muốn tiếp nhận “com”	9	53
2	Cảm giác không muốn tiếp nhận “com”	8	47
Tổng		17	100

Bảng 5. Tiểu trường cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Việt

Tiểu trường thứ nhất gồm các từ ngữ: đói, đói meo, đói ngấu, đói vàng mắt, thèm, thèm thuồng, thèm khát, thòm thèm, nhớ.

Tiểu trường thứ hai gồm các từ ngữ: no, no nê, đã, chán, chán ngấy, ngấy, ngán.

Tiểu trường cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Lào cũng có sự phân hóa tương tự như tiếng Việt nhưng có sự khác biệt về số lượng (Xem Bảng 6).

Nhóm thứ nhất gồm các từ ngữ: thèm com - ຢາກ(ຂີ້); đói com - ຫິວ(ຂີ້); thiếu com - ຂາດ(ຂີ້).

Nhóm thứ hai gồm các từ ngữ: no - ອົມ; ăn no - ກິນອົມ; no bụng - ອົມທ້ອງ; ngán ngấy - ອົມໜ້າ; quá no - ອົມຫຼາຍ; ngấy - ເຍືອ; ngán - ໜ້າ.

Như vậy, bức tranh ngôn ngữ mô tả cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Việt và tiếng Lào có sự khác biệt về quy mô các từ. Cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Việt được gọi tên cụ thể, kỹ lưỡng và chi tiết hơn so với tiếng Lào.

5. Hiện tượng chuyển trường của các từ thuộc trường nghĩa hành động, cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Việt và tiếng Lào

Hiện tượng chuyển trường là hiện tượng mang tính quy luật của ngôn ngữ nhằm khắc phục mâu thuẫn giữa sự hữu hạn của ngôn ngữ với sự vô hạn của thế giới. Các từ ngữ thuộc trường từ vựng ngữ nghĩa này có thể được chuyển di sang một trường từ vựng ngữ nghĩa khác. Trường từ vựng hành động, cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Việt và tiếng Lào cũng không nằm ngoài quy luật này.

Trong tiếng Việt, trường từ vựng hành động, cảm giác của con người đối với

TT	Tiểu trường	Số lượng	Tỉ lệ (%)
1	Cảm giác muốn tiếp nhận “com”	3	30
2	Cảm giác không muốn tiếp nhận “com”	7	70
Tổng		10	100

Bảng 6. Tiểu trường cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Lào

“com” có xu hướng chuyển từ trường từ vựng ẩm thực sang trường từ vựng con người. Các từ ngữ trong trường có xu hướng chuyển nghĩa giống nhau. Theo đó, các từ chỉ hành động của con người đối với “com” có khi được dùng để chỉ hành động của con người đối với con người. Chẳng hạn: *Anh ta ăn/ xoi/ chén cô ấy rồi; Anh ta muốn nuốt trọn toàn bộ tài sản nhà cô ấy*;... Các từ chỉ hành động tạo ra “com” cũng được dùng để diễn tả sự chuyển hóa quan hệ giữa người với người: *Vậy là họ đã nấu gạo thành com rồi*;... Các từ chỉ cảm giác của con người đối với “com” cũng được dùng để chỉ cảm giác của con người đối với con người hoặc đối với một sự vật, hiện tượng nào đó. Đó là các cách nói: *Tôi chán ngấy việc ngày nào cũng làm những việc lặp lại; Cô ấy đã ngán người chồng keo kiệt; Hắn thêm một vòng tay an ủi biết mấy*;...

Trong tiếng Lào, trường từ vựng hành động, cảm giác của con người đối với “com” cũng có xu hướng chuyển từ trường từ vựng ẩm thực sang trường từ vựng con người. Các từ ngữ trong trường có xu hướng chuyển nghĩa giống nhau. Theo đó, các từ chỉ hành động của con người đối với “com” có khi được dùng để chỉ hành động của con người đối với con người. Chẳng hạn với từ *ກິນ* - ăn: *ກິນເຂົ້າໄປໄປໄສຄວາມເພິ່ນ* - Ăn com mình đừng đi nói chuyện người ý nói đừng lo chuyện của người khác mà hãy lo chuyện của mình trước đã; *ກິນເຂົ້າຮ່ວມພາກັນປາຮ່ວມຕ່ອມ* - Ăn com cùng mâm ăn cá cùng một khúc ý nói về tình đoàn kết gắn bó giữa con người với nhau. Các từ chỉ cảm giác của con người đối với “com” cũng được dùng để chỉ cảm giác của con người đối với con người hoặc đối với một sự vật, hiện tượng nào đó. Đó là các cách nói:

ທ່າຍແຫງຊີວິດອັນໄຮ້ຄວາມໝາຍນີ້ແລ້ວ
- Chán ngấy cuộc sống vô nghĩa này lắm rồi;
ລາວເບື້ອເມຍລາວແລ້ວເລີຍມີຄົນໃໝ່ - Anh ta chán ngấy cô vợ của mình lắm rồi nên đã có

người khác; *ລາວຢາກຫອມແກ້ມຜູ້ສາວ* - Anh ta thèm hôn má cô gái; *ລາວຢາກມີຄົນຮັກ* - Cô ấy thèm có người;... Tuy nhiên, tiếng Lào không có hiện tượng chuyển trường của các từ chỉ hành động tạo ra “com” được dùng để diễn tả sự chuyển hóa quan hệ giữa người với người.

6. Kết luận

Trường nghĩa hành động, cảm giác của con người đối với “com” trong tiếng Việt và tiếng Lào tương đối đa dạng, hoàn chỉnh bức tranh ngôn ngữ về “com” trong hai ngôn ngữ. Số lượng từ ngữ của trường nghĩa này trong tiếng Việt là 70, trong tiếng Lào là 45, chủ yếu có cấu tạo là các từ đơn. Chiếm ưu thế về số lượng là tiểu trường chỉ hành động tiếp nhận “com” của con người. Điều này cho thấy “com” có vị thế quan trọng trong đời sống của người Việt và người Lào. Hiện tượng chuyển trường của các từ thuộc trường từ vựng hành động, cảm giác của con người đối với “com” có những đặc điểm riêng và mang tính biểu trưng cao. “Com” không chỉ là món ăn mà còn là biểu tượng cho cơ thể, thân phận và cuộc sống người Việt và người Lào.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hữu Châu, *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1999.
- [2] Đỗ Hữu Châu, *Đỗ Hữu Châu tuyển tập*, Tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2005.
- [3] Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học - Tập 2: Ngữ dụng học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2009.
- [4] Đỗ Việt Hùng, *Giáo trình Từ vựng học*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2011.
- [5] Hoàng Phê, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Đà Nẵng, 1997.
- [6] Khăm Phúi Sí Sa Ván, *Giáo trình từ vựng học*, Nxb. Bộ Giáo dục Lào, 2000.
- [7] Thông Phết Kinh Sạ Đa, *Từ điển tiếng Lào*, Nxb. Viêng Chăn, 2005.